TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **81**/2019/HNGĐ-ST Ngày: 31-10-2019 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Tuấn Đạt** và ông **Trịnh Ngọc Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Nh,** sinh năm 1976

Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh T,** sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Số nhà 175, Tổ 1, ấp B, xã T, huyện P, tỉnh N.

(Bà Nh, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh và ông T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998, thời gian bắt đầu sống chung hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hơn nữa do am hiểu pháp luật hạn chế nên bà và ông T không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khi sống chung thì đời sống hôn nhân của vợ chồng bà đầm ấm hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là: Nguyễn Minh T1, sinh năm 1999; Nguyễn Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Minh T3, sinh ngày 08/10/2002. Khi ly hôn, bà Nh đồng ý giao hai cháu T2, T3 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Tân đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Theo bà Nh, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/10/2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thừa nhận lời trình bày của bà Nh về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân của vợ chồng là đúng sự thật, vợ chồng tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1998 tại địa chỉ: ấp Bàu Mây, xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai cho đến nay và không đăng ký kết hôn. Nay tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, bà Nh khởi kiện xin ly hôn thì ông đồng ý theo yêu cầu của bà Nh nhưng do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là: Nguyễn Minh T1, sinh năm 1999; Nguyễn Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Minh T3, sinh ngày 08/10/2002. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu T2, T3 không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T1 đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo ông T hiện nay công việc của ông cũng ổn định nên đủ điều kiện nuôi dưỡng các con trưởng thành và phát triển tốt về mọi mặt.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Theo bị đơn, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân của chị Thúy (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; bản cam kết về việc chưa không đăng ký kết hôn đề ngày 01/10/2019 (bản chính). Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Các tài liệu, chứng cứ thu thập được Tòa án đã thông báo cho các đương sự biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nh, ông T; về con chung: Bà Nh, ông T có 03 (ba) con chung là: Nguyễn Minh T1, sinh năm 1999; Nguyễn Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Minh T3, sinh ngày 08/10/2002. Đề nghị giao các cháu Tấn, Tài cho ông T nuôi dưỡng, đối với cháu Tân đã trưởng thành niên không yêu cầu xem xét giải. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T; tranh chấp về nuôi con chung là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Minh T3, sinh ngày 08/10/2002. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Minh T có nơi cư trú tại: Tổ 1, ấp Bàu Mây, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Lê Thị Nh, ông Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Nh, ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà Nh mà sẽ tuyên bố không công nhận bà Nh và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung bà Nh và ông T có 03 (ba) con chung là Nguyễn Minh T1, sinh năm 1999; Nguyễn Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Minh T3, sinh ngày 08/10/2002. Khi ly hôn, bà Nh đồng ý giao hai cháu T2, T3 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, ông T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu T2, T3. Xét sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên thiết nghĩ cần tiếp tục giao các cháu Tấn, Tài cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng điều này cũng phù hợp với nguyện vọng các con chung. Đối với con chung Nguyễn Minh Tân, sinh năm 1999, hiện đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Nh, ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Bà Nh, ông T trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nh là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1, Điều 9 và Điều 14; 51, 53, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Minh T3, sinh ngày 08/10/2002 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Nh do ông T không yêu cầu. Đối với cháu Nguyễn Minh T1, sinh năm 1999 đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét.

Bà Nh có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nh, ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Bà Nh, ông T khai không có, nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nh đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 008488 ngày 25/9/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, bà Nh đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nh, ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thanh;
- Lưu HS – LT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thịnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA